

Số: 05 /2018/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế hộ trong nông nghiệp,
thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Liên tịch Bộ Trưởng Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế hộ trong nông nghiệp, thủy sản tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-KTNS ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hộ trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình (tối thiểu 3 hộ gia đình trở lên) (gọi chung là nông hộ) trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Nông hộ có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn (KT3).

2. Nông hộ có đơn đăng ký tham gia; có dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Mỗi nông hộ chỉ được hỗ trợ tham gia thực hiện dự án một lần duy nhất.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn nông, lâm, ngư, diêm nghiệp:

a) Chi biên soạn, dịch thuật tài liệu đào tạo, tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

b) Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

c) Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập: chi theo thực tế nhưng không quá 1.000.000 đồng/ngày đối với lớp học tổ chức tại tỉnh; 500.000 đồng/ngày đối với lớp học tổ chức tại các huyện, thành phố; 300.000 đồng/ngày đối với lớp tổ chức tại các xã, phường, thị trấn; hỗ trợ tiền nước uống không quá 7.000 đồng/ngày/người; công phục vụ 100.000 đồng/ngày.

d) Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập: văn phòng phẩm, tài liệu tập huấn.

đ) Hỗ trợ chi phí ăn: Hỗ trợ tiền ăn không quá 70.000 đồng/người/ngày học đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh; tiền ăn không quá 50.000 đồng/người/ngày học đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại các huyện, thành phố; tiền ăn không quá 25.000 đồng/người/ngày học đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại các xã, phường, thị trấn.

e) Hỗ trợ tiền đi lại: Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng, thanh toán theo mức khoán không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

g) Hỗ trợ chi phí dịch vụ khác: Hỗ trợ tiền điện, nước và chi phí khác (nếu có) trong trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

2. Hỗ trợ đầu vào cho sản xuất của nông hộ:

a) Hỗ trợ 50% chi phí mua cây giống, con giống; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, chi phí vận chuyển. Tổng kinh phí hỗ trợ cho giống và vật tư chính không quá 60 triệu đồng/01 dự án.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản, sản xuất muối, ngành nghề nông thôn nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/01 dự án.

3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, thông tin thị trường:

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuê và trang trí gian hàng; 100% chi phí đi lại, vận chuyển sản phẩm hàng hoá và ăn, ở trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/01 hộ/01 lần tham gia.

b) Hỗ trợ 100% chi phí thuê xe cho người dân theo thực tế hợp đồng; chi phí in sao tài liệu, tư liệu tham quan học tập. Hỗ trợ tiền ăn cho người dân không quá 150.000 đồng/ngày; thuê chỗ ở không quá 300.000 đồng/ngày.

c) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/nhãn hiệu khi nông hộ xây dựng và đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa.

d) Hỗ trợ 50% tổng kinh phí xây dựng website, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/website.

4. Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến:

a) Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, chuyển giao mô hình. Mức chi tối đa không quá 10 triệu đồng/mô hình.

b) Hỗ trợ 50% chi phí mua cây giống, con giống; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, chi phí vận chuyển. Tổng kinh phí hỗ trợ cho giống và vật tư chính không quá 60 triệu đồng/01 mô hình.

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng đối với mô hình cơ giới hoá nông nghiệp, bảo quản chế biến, nghề muối, ngành nghề nông thôn; 200 triệu đồng đối với mô hình khai thác, bảo quản sản phẩm trên biển hoặc mô hình ứng dụng công nghệ cao.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2020 là 129.300.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Phân kỳ nhu cầu vốn thực hiện hàng năm

a) Năm 2018: 42.500.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).

b) Năm 2019: 42.500.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).

c) Năm 2020: 44.300.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBND TP. Vũng Tàu;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Hồng Lĩnh**